

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY NAM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 23-6-2020.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nguyễn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Phạm Văn Nam.

+ Ông Trần Châu Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị R - Sinh năm: 1966, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lý Hữu C - Sinh năm: 1968; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 02 năm 2020, bản khai ngày 19 tháng 3 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Cao Thị R trình bày:***

*Về hôn nhân:* Bà và ông C tổ chức lễ cưới vào năm 1998, đến ngày 08 tháng 11 năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D (nay

là huyện C), tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Bà và ông C chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do ông C thường hay đánh bạc, có chung sống với người phụ nữ khác. Bà và ông C đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Bà R cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn với ông C, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

*Về con chung:* Bà và ông C có hai người con chung là: Lý Minh P - Sinh ngày 23 tháng 6 năm 1999 và Lý Kim P - Sinh ngày 02 tháng 3 năm 2005. Lý Kim P hiện đang sống chung với bà nên bà yêu cầu được quyền nuôi người con này, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con; riêng Lý Minh P đã thành niên, có khả năng lao động nên bà không có yêu cầu gì liên quan đến người con này.

*Về tài sản chung:* Bà R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Bà R trình bày là không có.

***Bị đơn là ông Lý Hữu C vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của ông về các vấn đề có liên quan đến việc giải quyết vụ án.***

***Tại phiên tòa sơ thẩm:***

Bà Cao Thị R giữ nguyên lời trình bày, yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên. Ông Lý Hữu C vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị bà Cao Thị R, cụ thể: Bà Cao Thị R được ly hôn với ông Lý Hữu C. Bà Cao Thị R được quyền tiếp tục nuôi người con nhỏ là Lý Kim P, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà R không yêu cầu. Riêng người con lớn là Lý Kim P đã thành niên, có khả năng lao động, không có ai có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét. Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Cao Thị R có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với ông Lý Hữu C có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cà Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Lý Hữu C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 19/3/2020 và bà Cao Thị R có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngoài ra, ông Lý Hữu C đã vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Việc kết hôn giữa bà R với ông C là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Bà R cho rằng cuộc hôn nhân đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông C. Trên cơ sở lời trình bày của bà R, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được giữa bà R và ông C có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được, giữa ông bà không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống. Đồng thời ông C cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà R với ông C đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà R về việc ly hôn với ông C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung:

[4.1] Bà R yêu cầu được quyền nuôi người con nhỏ là Lý Kim P - Sinh ngày 02 tháng 3 năm 2005. Người con này hiện nay đã trên bảy tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ bảy tuổi trở lên thì phải xem xét đến nguyện vọng của con*”. Tại biên bản hỏi ý kiến của người con từ đủ bảy tuổi trở lên trong vụ án hôn nhân và gia

đình lập ngày 19 tháng 3 năm 2020 (bút lục số 35) thì cháu P có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ. Bên cạnh đó, cháu P hiện đang sống chung với bà R, trong khi đó ông C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của ông có liên quan đến con chung nên giao cháu P cho bà R tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

[4.2] Đối với người con lớn là Lý Minh P - Sinh ngày 23 tháng 5 năm 1999, đã thành niên, có khả năng lao động và không ai có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Ông C vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của ông có yêu cầu về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung; bà R không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị R là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị R, cụ thể:

1/ Về hôn nhân: Bà Cao Thị R được ly hôn với ông Lý Hữu C.

2/ Về con chung:

2.1) Bà Cao Thị R được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung chưa thành niên giữa bà với ông Lý Hữu C là: Lý Kim P - Sinh ngày 02 tháng 3 năm 2005 (hiện đang sống chung với bà R) cho đến khi người con đủ mười tám tuổi.

2.2) Ông Lý Hữu C có quyền thăm nom con; không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Trong trường hợp ông Lý Hữu C lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà Cao Thị R có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Lý Hữu C.

2.3) Vì lợi ích của con chung, bà Cao Thị R, ông Lý Hữu C, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.4) Đối với người con lớn là Lý Minh P - Sinh ngày 25/3/1999, đã thành niên, có khả năng lao động. Bà R, ông C không có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

3/ Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị R phải chịu 300.000đ (ba trăm năm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010309 ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre, bà Cao Thị R đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà Cao Thị R có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lý Hữu C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Nguyễn**

